

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

## QUYỂN 34

### *Phẩm 4: NÓI VỀ NGHIỆP* (PHẦN 2)

Ở trong chánh pháp, có người nói thế này: Thân và núi v.v... trụ lâu không diệt, nên Khế kinh nói: Hoặc có một loại thân trụ mười năm, cho đến nói rộng.

Lại nói Yết-thích-lam trụ trong bảy ngày.

Lại nói: Trì địa trụ trải qua một kiếp.

Do đó biết thân vì có thể trụ lâu, nên có hành động, thành nghĩa lý biểu.

Nghĩa này không đúng. Vả lại, kinh kia cũng thừa nhận các tâm, tâm sở có sát-na diệt. Do đó, có thể chứng minh, kinh kia đã không thừa nhận. Thân và núi nghĩa sát-na diệt v.v... nên nói thế này: thân sát-na diệt, thấy tùy tâm v.v... có chuyển biến, nghĩa là thấy tướng thân ở vào lúc khởi khổ, vui, tham, giận v.v... tùy theo tâm v.v... chuyển. Đã tùy theo tâm v.v... pháp niệm niệm diệt, vì thân có chuyển biến, nên thành nghĩa sát-na diệt. Lại thân và tâm đồng an nguy, nghĩa là thân đã là sát-na diệt, thì tâm sở chấp thọ nhất định cũng đồng an nguy. Vì khi thân có thức trụ lâu, nếu thức lìa thân, thì liền hư hoại, đã cùng với tâm bình đẳng an nguy, sát-na diệt nên thân thuận theo như tâm nhất định sát-na diệt.

Lại, thân như thức nhưng vì nêu bày rõ, nghĩa là Khế kinh nói: Tâm, ý, thức này, sát-na, lập phược, mâu hô, tức đa, khác nhau mà sinh, khác nhau mà diệt.

Lại, Khế kinh nói: Thân đối với phần vị sát-na v.v... sinh diệt kia, suy yếu, già, khô kiệt cần cỗi.

Lại Khế kinh nói: Bí-sô! Các hành không có ngừng lại, nhanh chóng trở về với hoại diệt.

Lại nói: Bí-sô! Các hành như huyễn, hoặc thêm, hoặc bớt, tạm

thời dừng trụ liền diệt.

Lại Khế kinh nói: Ma-nạp phược-ca, từ đêm vào thai cho đến già yếu, thường đi qua một cách nhanh chóng không có trụ, không có trở lại.

Do các kinh này chứng biết các hành đều sát-na diệt không có lý trụ lâu, mà nói trụ, nghĩa là chỉ căn cứ ở các hành tương tự nối tiếp nhau. Giả nói không có trái, cũng có Khế kinh nói: Tâm có trụ, như nói: Tâm trụ không thể dời chuyển.

Lại, kinh nói: Tâm từ sơ Tĩnh lự, di chuyển vào trong tĩnh lự thứ hai. Lại nói: Điều phục tâm, nên trụ ở trên. Lại, đối với sinh khổ v.v... đã nối tiếp nhau qua nhiều thời gian ở trong đó, vì giả nói nên thọ.

Lại, kinh kia dù đã thừa nhận trụ kiếp nguyệt luân, nhưng giả nói mới, chẳng phải giả nói trong đó, tức có thể quyết định chấp là thật có.

Lại, tướng có nghĩa khác của thể riêng thành, chẳng phải tướng trong cùng một tự thể mới có thể có riêng, vì hiện thấy thể tướng khác, mới riêng, như bò có cổ họng thông, ngựa có lông xoắn ốc v.v... đối với tướng của một nối tiếp nhau đã có khác, do đó chứng biết, thể phải có khác. Hiển sắc sữa, lạc dù là đồng nhau, nhưng cùng hành tướng riêng, nên phải có tự thể khác, nghĩa là hai hiển sắc, vì vị ngọt, chua đều có, nên thể lẽ ra phải là trước, sau đều riêng, thân cũng nên như thế. Đã là phần vị trước, sau, tướng có không đồng. Do đó so sánh biết được nêu nhóm của giới thể, trước, sau đều riêng, nên sát-na diệt, lý đó cực thành.

Đã là tất cả hành đều sát-na diệt, làm sao quả nghiệp, lý cảm ứng thành? Vì sao không thành?

Vì không kịp nhau, nghĩa là chưa hề thấy tự “thể” của hạt giống đã diệt, cũng có thể nảy mầm, cũng chẳng phải đã thừa nhận, nhưng chẳng phải các nghiệp, như hạt giống nảy mầm vào lúc đang diệt, cho quả dị thực. Lại, chẳng phải pháp không có, có khả năng làm nhân. Thế nên, lẽ ra không có quả nghiệp cảm đến, là lỗi của Tông kia. Nghĩa là vì tông của phái Thí dụ, nên Tông kia nói: Đúng như lý chiêu cảm đến quả, hạt giống bên ngoài được thành.

Như thế, nên biết chiêu cảm đến quả nghiệp, nghĩa là như hạt giống bên ngoài, do gặp duyên riêng, làm nhân truyền gần chiêu cảm quả đã diệt. Do vị sau này bèn khởi rễ, mầm, cộng, cành, lá v.v... Các pháp tướng khác, thể dù không trụ, mà vẫn chuyển biến nối tiếp nhau, ở phần vị sau cùng, lại gặp duyên riêng, mới có thể làm nhân sinh ra

quả mình.

Các nghiệp như thế, đều làm nhân truyền gần ở trong sự nối tiếp nhau, chiêu cảm quả đã diệt. Do đó, trong sự nối tiếp về sau, có phần vị riêng, pháp tướng khác khởi. Thế dù không trụ, nhưng vẫn chuyển biến nối tiếp nhau ở phần vị sau cuối.

Lại gặp duyên khác, mới có công năng làm nhân sinh ra quả mình, dù hạt giống bên ngoài kia chẳng phải gần gũi làm nhân để cho quả mình được sinh. Nhưng do lần lượt các nghiệp như thế, cũng chẳng phải đích thân làm nhân để cho tự quả sinh, nhưng do sức lần lượt đồng với lý nối tiếp nhau của nhân quả trong, ngoài. Ngoài nghĩa là giống, rễ, mầm v.v... không dứt, gọi là nối tiếp nhau, pháp nội nối tiếp nhau, nghĩa là tâm trước, sau thường không gián đoạn, nên không có lỗi bị ngoại đạo vấn nạn.

Nay, chứng tỏ mọi cách giải thích kia, tất cả đều có thể như vậy, nghĩa là nếu chỉ nói hiện tại có thì có thể sẽ có lý lần lượt nối tiếp nhau thành, nhưng lý không thành, nên chỉ có ngữ, còn về lý không thành kia, ở chỗ khác đã nói. Nếu thừa nhận lý lần lượt nối tiếp nhau thành thì lý ấy không nên như đạo lý hạt giống, quả, vì hiện thấy hạt giống v.v... lần lượt nối tiếp nhau, tất nhiên không có giúp cách, mới có thể sinh quả. Tâm có công năng sinh quả, vì sự nối tiếp nhau có gián đoạn, nên thí dụ hạt giống, quả đối với nghiệp quả chiêu cảm đến của tông kia, không có sức để chứng, vì nhập hai định vô tâm của vô tưởng, thì tâm v.v... không hiện hành, đã nói như trước.

Lại vì nói diệt trong đây của ý hành, nên không dẫn đến quả sinh là một nghiệp nối tiếp nhau thường không có gián đoạn. Tông kia chỉ thừa nhận, Tư là thật nghiệp, nghiệp này là công năng tăng trưởng của ý hành, tùy theo biện luận v.v... về giới, tập khí, hạt giống. Vì chỗ khác đã ngăn dứt, nên người ngoài vấn nạn: Không như phái Thí dụ đã nói về nghiệp quả, cũng như đạo lý cảm đến của hạt giống, quả, đây là vấn nạn đúng.

A-tỳ-đạt-ma trong phần vị vô tâm, đã nói về trạng thái nối tiếp nhau không có gián đoạn của nhân Dị thực, được thể thật có mà trước đây đã thành lập, tức nói đặc này làm thể của sự nối tiếp nhau.

Nếu cho rằng thể của đặc và quả nghiệp khác không nên nói là sự nối tiếp nhau của nghiệp thì vấn nạn này phi lý, vì quả của một thân, thân với sự nối tiếp nhau là một nghĩa.

Lại, như chủng nghiệp, đặc của nghiệp cũng như vậy, nên nghiệp nối tiếp nhau không có gián đoạn. Thế nên sự chiêu cảm đến của nghiệp

quả của tông ta đồng với hạt giống, quả, không có lý nào có thể ngăn dứt, mặc dù các nghiệp đắc có gián đoạn, như hạt giống đã hư, tác dụng dù diệt, nhưng vẫn có phần ít công năng cho quả, do về sau này, có thể cho tự quả, nghiệp lẽ ra cũng như thế, nên tông Đối pháp không đồng với lỗi bị tùy theo của tông kia. Về sau, sẽ thành lập rồi diệt cũng có.

Nếu cho rằng dù vậy nhưng vẫn có lỗi là làm khác, thọ khác, không thừa nhận có một chủ thể tạo và thọ, vì thể thường trụ?

Vấn nạn này không đúng, vì khác có hai, quán lý, mà nói. Khác có hai thứ:

Đều nối tiếp nhau riêng, gọi là khác.

Thể của một nối tiếp nhau riêng, gọi là khác.

Nếu sự nối tiếp nhau riêng đã tạo ra nghiệp nhân, thì quả tất nhiên sẽ không thích ứng với sự thọ nhận của nối tiếp nhau khác.

Nếu nghiệp nhân đã tạo của một nối tiếp nhau thì quả của nghiệp nhân đó đâu có trở ngại với sự thọ nhận nối tiếp nhau này? Há như nối tiếp nhau khác, không có tạo công năng thọ nhận thì cũng không tạo thọ nhận trong một nối tiếp. Nếu cho rằng nối tiếp nhau riêng gọi là khác, cùng với thể của một nối tiếp nhau riêng gọi là khác, khác mà không khác, như nghĩa không tạo thọ nhận, cũng không đúng, vì nhân quả lệ thuộc nhau, không lệ thuộc nhau. Giống như hạt giống lúa, đối với lúa, lúa mì, mầm, thể của hai thứ khác, vì không có khác nhau, tức khiến cho giống lúa đối với lúa, lúa mì, mầm, đồng là lệ thuộc nhau, hoặc không thuộc nhau, mặc dù hạt giống lúa kia đối với lúa, lúa mì, mầm, thể khác mà không khác, đối với nhân quả lúa, mầm lệ thuộc nhau chẳng phải đối với lúa mì, mầm.

Như thế, mình, người nối tiếp nhau trước, sau, có lệ thuộc, không lệ thuộc, vì lý khác nhau thành, nên trong một nối tiếp nhau, không có lỗi tạo tác, thọ nhận khác.

Lại, giống quả khác, hạt giống diệt mất, trải qua thời gian lâu, mà thấy cho quả, về lý không ngăn dứt, quả nghiệp cũng như vậy, dù khác cũng có lỗi gì?

Lại, một nối tiếp nhau dùng thời gian khác làm nhân, thời gian khác cho quả, thừa nhận không có lỗi. Nếu nối nhau khác, thời gian khác làm nhân, thời gian khác cho quả, nên thừa nhận có lỗi. như thế, Há không phải một nối tiếp nhau khác, nhân, quả có, không rõ ràng có khác hay sao?

Lại, như lửa đốt làng, ngọn lửa nối tiếp nhau, nghĩa là như có một người muốn đốt làng người khác, đem lửa đốt nhà cỏ người khác phần ít

ngọn lửa nối tiếp nhau, cho đến đốt chung nhà cửa cả làng đều trở thành tro tàn. Người trong làng bắt được, đánh đập tới tấp. Người ta tự vạch tỏ nỗi oan nói: Tôi đem một ít lửa, đốt một vài nhà mà thôi, lửa của tôi tắt ngay, nên tôi chỉ đáp lại gấp bội một nắm cỏ, người kia tự vạch tỏ nỗi oan như thế. Lẽ nào trở thành người không có lỗi? Người trí nên biết, lửa đốt khắp cả làng, đều xuất phát từ lửa ban đầu nối tiếp nhau mà sinh. Thế nên, người kia có lỗi đốt khắp. Như thế, các uẩn chuyển biến nối tiếp nhau, đã sinh ra các quả, nên biết đều là uẩn ban đầu làm nhân, lần lượt mà khởi, thế nên, các nghiệp và uẩn, đối tượng nương tựa, mặc dù đã dứt diệt lâu, nhưng đối với uẩn sau, quả kia được sinh, cũng không có lỗi. Hiện thấy nhân đã diệt, quả pháp được sinh, sao không thấy hạt giống, mầm v.v... như thế? Vả lại, thấy vị chua của quả duyên nơi thế gian, chuyển biến nối tiếp nhau, đến khi quả chín. Nhân chua dù không có quả chua khởi, nên biết về lý quả nghiệp lẽ ra cũng như thế. Về nghĩa sát-na diệt thành, có quả nghiệp chiêu cảm đến. Thế nên, khéo nói tất cả hữu vi đều có sát-na, nên tất nhiên không có hành động.

Nếu vậy, thì vì sao hiện thấy thế gian có khi hành động của thân hình có thể được. Sức duyên của dục v.v... có công năng khiến cho thân hình không có gián cách phương khác, lần lượt sinh khởi.

Không xem xét, nghĩa là khởi tăng thượng mạn, cho rằng có hành thật, hiện tiền có thể nhận lấy. Hiện thấy không nhận lấy trăng đi nhanh có khi do mây, phương khác khởi nhanh, bền khởi tăng thượng mạn. Nghĩa là thấy mặt trăng đi nhanh. Cũng thế, thân thế gian chuyển biến trở thành vôi vàng, nghĩa là các vật thể trụ đều xoay lại gấp. Thế nên, hữu vi đều không có hành động, nên thân biểu đã nói là sự khác nhau của hình, lý ấy cực thành. Nghĩa là từ tâm gia hạnh sinh không trụ quả đại chủng đẳng lưu, là loại hình sắc riêng không đợi hiển sắc khác làm nhân sinh nhãn thức, có thể ngăn che dị thực sinh hình sắc được nuôi lớn.

Hình sắc như thế, gọi là thân biểu, vì chẳng phải do tánh thiện v.v... như thế, khiến cho dị thực sinh nuôi lớn đoạn, như thiên nhãn thiên, nhĩ khi hiện ở trước, căn như nhãn nhĩ khác nối tiếp nhau không đoạn. Các chấp riêng có tâm gia hạnh sinh. Sự khác nhau của thế lực trong nhóm thân, làm thân Vô gián sinh nhân phương khác là sinh nhân này được gọi là thân biểu.

Nếu vậy, thân biểu lẽ ra chẳng phải mắt thấy, vì sự khác nhau của thế lực tức là gió. Tuy nhiên, Kinh chủ nói: Hình chẳng phải thật có, nghĩa là nhóm hiển sắc, một phương sinh nhiều, tức ở trong đó giả

lập sắc dài, chờ đợi sắc dài này ở nhóm sắc khác, một mặt ở trong đó, giả lập sắc ngắn, ở bốn phương diện đều ở trong sinh nhiều, giả lập sắc vuông, ở tất cả xứ, đầy khắp trong sinh, giả lập sắc tròn, hình sắc chỗ khác, tùy chỗ thích ứng nên biết. Như trông thấy lửa đốt cháy ở một phương diện Vô gián, vận chuyển nhanh chóng, bèn cho là dài, thấy ngọn lửa xoay vòng khắp, lại cho là sắc tròn, nên hình không có thể loại sắc khác.

Nếu cho rằng thật có hình sắc của loại khác, một sắc hai căn đã nhận lấy, nghĩa là sự khác nhau giữa dài v.v... ở nhóm sắc, mắt thấy thân xúc chạm, đều có công năng biết rõ. Do đó, lẽ ra trở thành lý của lỗi của hai căn nhận lấy. Hai căn đã nhận lấy chỗ không có sắc, nhưng như dựa vào sự xúc chạm để nhận lấy tướng dài v.v...

Như thế, căn cứ ở hiển, có thể nhận lấy ở hình, lý này không đúng, vì tướng biết rõ riêng. Nếu một phương diện, chỉ hiển sinh nhiều tướng biết rõ ở trong đó, thì lẽ ra không có khác nhau. Đã có hai tướng biết rõ: Trắng, dài khác nhau, nên ở ngoài hiển có hình sắc riêng. Hiện thấy có sự tiếp xúc đồng với căn nhận lấy, vì tướng biết rõ khác, nên thể có sai khác, như cứng và lạnh, hoặc ấm và cứng.

Như thế, trắng, dài, dù đồng với căn nhận lấy, nhưng vì tướng biết rõ khác, nên thể phải khác. Vì thế, nên biết phân tích nhóm sắc đến nhỏ dần, cho đến ở trong, có thể sinh hình giác, tất nhiên có phần ít sinh nhân của hình giác, cực vi hình sắc cũng khởi ở trong. Về lý tất nhiên như thế, vì có trong nhóm sắc, chỉ hiển sinh, hình sắc không khởi, ở trong đó chỉ có hiển giác chẳng phải hình, như thấy các sắc như ánh sáng v.v... giữa hư không, nếu tức hiển sắc, thì gọi là hình, không có phân lượng, trong hiển lẽ ra cũng khởi hình giác, vì không rời nhau, như ấm, là giới lửa, thí dụ ngọn lửa kia đối với chúng, không có công năng, ở chỗ khác cực thành, vì có thể giả nói, nghĩa là ở chỗ khác, có tướng dài, tròn v.v... đã dựa vào nhân thật đồng thời không có gián cách đối với nhiều phương đã được an bài khác nhau, đã trở thành nhóm sắc, tướng dài v.v... cực thành.

Do đó, nên đối với sắc lửa đỏ rực v.v... ở chỗ riêng, thời gian khác, trong chuyển biến Vô gián, chấp so đo lập làm giả dài, tròn v.v... chưa từng thấy có, thể tục thặng nghĩa đều cùng không cực thành, mà có thể giả lập ứng với hai căn nhận lấy, vấn nạn cũng không thành. Tướng dài v.v... chỉ vì làm cảnh của ý thức, vì các giả có, chỉ là cảnh giới của sở duyên nơi ý thức. Như trước đã nói về công năng trở thành dài v.v... như cực vi giống được an bài như thế.

Nói là hình sắc, là đối tượng nhận lấy của nhãn thức không phân biệt, chẳng phải thân có thể nhận lấy.

Hình sắc như thế, như dựa vào thân căn, phân biệt rõ chất cứng, ẩm ướt v.v... phân biệt rõ tướng dài, ngắn v.v... thì không đúng. Vì không phân biệt rõ trong bóng tối cứng, ẩm ướt v.v... tức ở phần vị bóng tối đó, hoặc kể là thời gian sau, tức có thể biết rõ tướng dài, ngắn v.v... phải ở trong một mặt có nhiều tiếp xúc sinh, dựa vào môn thân căn để phân biệt tiếp xúc rồi, mới có thể so lường, để biết sự tiếp xúc đều hiện hành với nhãn thức dẫn dắt, ý thức thọ nhận, hình sắc khác nhau của tướng trạng như thế. Như thấy sắc lửa và mùi hương của hoa, có công năng ghi nhớ cùng hiện hành, tiếp xúc lửa và sắc hoa, hiện thấy nhãn thức tùy theo đối tượng thích ứng của nó, có ở vào lúc mà hình hiển đều rõ, ý thức phân biệt trước, sau không có nhất định. Vì hiển và hình, là một cảnh nơi sở duyên của nhãn thức. Khi ý thức phân biệt, vì sai khác, vì tướng biết rõ khác, nên tự thể của nó không đồng, hình cũng chẳng phải sự tiếp xúc. Đâu thể có nghĩa thân căn có thể nhận lấy hình, thành thử không nên vấn nạn tương ứng với hai căn nhận lấy.

Kinh chủ ở đây, lại nói thế này: Vì hai pháp của các hữu nhất định không rời nhau, nên nhãn nhận lấy một có thể được nghĩ đến pháp khác, không có sự tiếp xúc và hình nhất định không rời nhau.

Vì sao nhận lấy sự tiếp xúc có thể nhất định ghi nhớ hình? Điều này cũng phi lý, vì hiện thấy trong nhóm khác xúc của thế gian có hình nhất định, nghĩa là hình đối với sự tiếp xúc, dù không có nhất định, nhưng ở trong một mặt nhiều tiếp xúc sinh, nhất định có sắc dài đối với tất cả chỗ. Trong sinh khắp tiếp xúc, nhất định có sắc tròn đây.

Các loại như thế v.v... tùy theo chỗ thích ứng nên biết, nên tiếp xúc ở hình, có quyết định, nghĩa là chẳng phải tiếp xúc ở hiển có nhất định như hình, khi có thể tiếp xúc rõ, là hay ghi nhớ hình sắc, do không có xúc chạm, an bài như thế. Đối với hiển như thế, quyết định như hình.

Lại, trong mắt, cổ họng cũng được xúc chạm cổ họng, đôi khi dùng mũi ngửi hương, khói kia, nhãn đây biết rõ hiển sắc trong khói, lẽ ra cũng hai căn hiển sắc đã nhận lấy, chẳng phải vật thật có.

Lại, hiển đây với hình kia, nghĩa lẽ ra đồng, nghĩa là sự tiếp xúc ẩm nơi sắc và sắc trắng đối với hương cũng không có nhất định. Như hình đối với cảm xúc không thích hợp nên nhãn nơi sắc, hoa, hương kia có thể cảm nghĩ biết lửa, tiếp xúc, sắc, hoa, nên chẳng phải do đó có thể ngăn ngừa, phân phát hình khác và hiển sắc, có nghĩa tự thể riêng.



Lại có nhân chứng hình chẳng phải thật có, do các sắc sở hữu thật có đối, tất nhiên lẽ ra phải có thật cực vi của loại khác, nhưng vì không có cực vi gọi là dài v.v... nên tức nhiều vật được nêu đặt như thế. Trong tướng sai khác, giả lập dài v.v... há không phải đã nói tức cực vi hình sắp đặt như thế. Sở đắc của nhãn thức, chứa nhóm khác nhau, giả lập dài v.v... mặc dù nói có đây là bạn bè nói: Cực vi hình, sắc, vì chẳng phải cực thành, nghĩa là nếu hình sắc có cực vi riêng, tự tướng cực thành, có thể được chứa nhóm, đặt yên như thế, cho là dài v.v... nhưng chẳng phải hình sắc có cực vi riêng, tự tướng cực thành, như các hiển sắc.

Làm sao có được chứa nhóm an bài? Làm sao nhân giả thừa nhận có cực vi hiển sắc cực thành, chẳng phải phần vi tế của hình? Như các hiển sắc, mỗi cực vi không có lý khởi riêng, vì cực tế, nên chẳng phải chỗ đạt được của mắt, vào thời gian chứa nhóm, vì mắt có thể được, nên chứng biết nhất định có cực vi hiển sắc, cực vi hình sắc, lẽ ra cũng như thế, đâu riêng gì không thừa nhận tự tướng cực thành, chỗ đã chứa nhóm các sắc hữu đối, đều quyết định có cực vi để được. Đã ở trong sinh khác nhau của sắc nhóm, có hình giác sinh, không đợi ở hiển. Như không chờ đợi pháp khác, hiển có giác hiển khác sinh, thế nên, nhất định phải có riêng như chủng tử, hay trở thành dài v.v... cực vi hình sắc, các cực vi hiển vì có chất ngại, tức chứa nhóm giả lập dài v.v... Điều này cũng phi lý, vì cực vi hương v.v... lẽ ra cũng chứa nhóm thành dài v.v... do cực vi hiện có hương v.v... kia cũng có chất ngại, chỉ căn cứ ở nơi chốn không chấp nhận nhau, gọi vì chất ngại. Nếu cho rằng cực vi hiện có hương v.v... vì chẳng phải thấy, nên không có đồng với lỗi kia, tức các hiển sắc và cực vi hiện có, cũng chẳng phải hình.

Há thành dài v.v... làm sao biết thể cực vi hiển không phải hình? Như trước đã nói, vì khác với tướng biết rõ, nên không đợi hiển sắc vì giác hình sinh. Hoặc có tự hiển vì không thấy hình, nên chẳng phải thể là hình có nhiều chứa nhóm, không có chướng ngại có mắt có thể không thấy hình. Thế nên, phải biết khác với hiển sắc, cực vi hình sắc thuộc về xứ có sắc. Do đó, tập hợp thành các sắc giả như dài v.v... nên phần vi tế của hình, chẳng phải không cực thành. Sao là hình mà không có phần vi tế?

Cực vi không có phân ra, lẽ ra thể chẳng phải hình. Như vậy lẽ ra nghi cũng ở hiển sắc. Làm sao thể của hiển sắc là có đối, mà có thể thừa nhận có, không có phân tích cực vi? Đối với các pháp không có phân tích thọ v.v... chưa hề thấy có gợi hiển v.v... như cực vi hiển, chứng tỏ tướng không phải có.



Như thế, cũng có cực vi hình sắc mà không có hình tướng là trái với chí lý nào?

Nói về tướng hiển, nghĩa là chủ thể hiển, bảo cho biết tánh xanh, trắng v.v... không phải cực vi hiển, vì có thể có đối tượng hiển, nên không có tướng hiển. Nếu khác với hiển sắc, mà thật có hình, thì lẽ ra như màu xanh. Vàng, rõ ràng biết khác, dù đều thật có, nhưng vì tánh pháp như vậy, nên không thể biết rõ có khác, như sắc khác lẫn nhau, thấy ánh sáng của bóng v.v... nghĩa là ánh sáng của ảnh v.v... hợp với đất v.v... vì thức sinh lẫn nhau, nên tướng riêng khó biết, nhưng vì thật thể của thức chẳng phải không có khác. Ban đêm nơi vách phấn, có mặt trắng trong suốt, ánh sáng trắng và sáng trợ giúp lẫn nhau, cả hai đều cùng biểu lộ rõ.

Thể đã có khác, sao không là trí, ngu đều có thể biết rõ tướng riêng của chúng?! Như nghĩa lý kia, hình, hiển cũng vậy. Nếu hiển và hình lẫn nhau khó hiểu rõ, lẽ ra phải dùng chánh lý để siêng năng mong cầu tướng riêng, mặc dù với hiển sắc lẫn nhau mà sinh, nhưng đối với biên của hiển sắc kia, có thể làm cõi, giới, thâu nhiếp, gìn giữ hiển sắc, nghĩa là vì làm hình, nên phá viên màu xanh, sắc hiển vẫn còn trong hình hủy hoại, nghĩa là hình, sắc tròn, chỉ vì ở biên hình sắc ấy, nên phá viên màu xanh, hình tròn liền diệt, nhưng hiển sắc màu xanh vì ở khắp trong viên, nên hoại hình tròn, hiển sắc xanh vẫn tồn tại. Hoặc thể của hình sắc, vì chẳng phải thể của hiển, nên không như tướng riêng xanh, vàng, dễ rõ.

Lại, các hiển sắc, là vì thể của hiển, nên với hiển sắc khác, tướng riêng dễ biết.

Hình sắc như thế, vì là thể của hình, nên với hình sắc khác, tướng riêng dễ rõ, nên hình khác với hiển, tự tướng cực thành.

Lại, hiển và hình dù đồng một nhóm, nhưng thể tướng của chúng quyết định có khác. Khi có hư hoại thì một không hư hoại. Do nhân trái nhau có khác, nên chẳng phải thể không có khác, có thể do trái nhau, nên nhân có khác, có hư hoại, không hư hoại.

Lại, đối với sắc, có riêng thiện v.v... không lẽ hiển sắc vì có tánh thiện v.v... như trước đã nói, nên có hình riêng. Nếu cho trong sắc hiển tự có sai khác, nghĩa là đợi tâm khởi, hoặc không đợi, thì đã cực thành thân nghiệp thật có, chỉ vì ở danh tướng ít có mê lầm, tuy nhiên có sắc xứ gia hạnh tâm sinh, nơi biên của nhóm sắc biến khắp mà khởi có thể làm biên của giới cách biệt với sắc hiển, không phải pháp đồng với sắc hiển. Các nhà Đối pháp đặt tên gọi là hình tức đây nói vì thân có biểu

nghiệp. Ví như nói vi hiển hoặc nói tên khác, cũng đều cực thành thật có thân biểu.

Nếu cho rằng vì tướng nghiệp không thành tựu, nên chẳng phải có thật, về lý cũng không đúng. Do đó, như nghiệp tư thành tựu nhau. Lại, hình và hiển, như nước, đất, gió, lạnh v.v... khác nhau, vì tướng biết rõ khác, thể của chúng đều riêng, làm sao có thể ngăn dứt.

Lại, hình tất nhiên khác với hiển sắc, vì như hiển sắc sinh tham riêng của loại khác, nói môn bất tịnh, vì được đối trị. Lại có Chí giáo chúng có hình riêng, như trong trong bài tụng nói:

*“Có thô, có tế  
Có ngắn, có dài  
Có tịnh, bất tịnh v.v...”*

Lại, Khế kinh nói: Dung mạo đoan nghiêm, chẳng phải ngắn, không phải dài, không phải thô, không phải vi tế, không phải trắng, không phải đen, ánh sáng tinh khiết, vi tế, mềm mại. Chẳng phải không có tự thể riêng mà có thể nói riêng.

Lại, nếu ngăn dứt, phân phát hành động và hình. Tông kinh bộ của các ông, lập gì làm thân biểu?

Kinh chủ trong đây, nói về tông kia rằng: Thân biểu tức là hình, nhưng giả chẳng phải thật.

Như thế, ý nghĩa của ngữ nghĩa khó biết là hình dài v.v... là giả chẳng phải thật, vì thành dài v.v... như hạt giống cực vi, gọi là hình, là giả chẳng phải thật. Nếu hình dài v.v... là giả không phải thật, không trái với thuyết mà phái Đối pháp đã nói. Nếu thành dài v.v... như hạt giống cực vi, gọi là hình, là giả không phải thật, thì không đúng, vì Tông kia do hiển thành hình, chứng tỏ vì không phải giả, nếu hiển không phải thật, tức kinh bộ đồng làm hư hoại pháp luân, không thể nói gì.

Nếu ý nói hình thể không khác với hiển, nên nói không phải thật, thì sẽ khác với giới lửa, không có riêng ấm, lẽ ra cũng không phải thật.

Nếu thừa nhận thuyết nói: Hình chẳng phải khác với hiển, như chấp khác với hiển thật, không có riêng hình, nói hình không phải thật.

Như thế, cũng chấp khác với hiển giả, không có riêng hình, vì chấp tức hiển sắc, lập làm dài v.v... đây là kinh bộ lẽ ra lập dài v.v... không phải thật, không phải giả.

Nói giả là sao?

Lại, tông của kinh bộ, nếu chấp hình sắc có đối tượng nương tựa

thâu nhiếp cực vi thật thể, các sư Đối pháp cũng xảy ra tranh luận là vì đối tượng nương tựa nào? Vì cực vi hiển, tức là các giả như dài v.v... đã nắm lấy thật, hay không phải thế ư? Không đúng, vì trước đã thành lập, hoặc đối với tự hiển vì có. Không thấy tướng khác nhau của hình dài, ngắn v.v... Do đó thuyết kia trở thành lời vô dụng.

Lại, thuyết Kinh bộ kia lập hình giả để làm thân biểu, lại lập pháp nào làm thân nghiệp ư?

Thuyết kia cho rằng, nghiệp nương tựa thân, lập thành thân nghiệp, nghĩa là tư có công năng đủ loại vận động thân, vì dựa vào hành môn của thân, nên gọi thân nghiệp, Ngữ nghiệp, Ý nghiệp tùy theo vào đối tượng thích ứng của chúng đặt tên khác nhau, phải biết cũng như vậy.

Nếu vậy, vì sao trong Khế kinh nói có hai thứ nghiệp:

1. Tư nghiệp.
2. Tư dĩ nghiệp.

Kinh kia tạo ra cách giải thích này: Nghĩa là gia hạnh trước khởi tư duy ta cần phải làm công việc làm được thích ứng như thế, như thế, gọi là Tư nghiệp đã tư duy rồi, khởi tác sự tư, tùy theo vào tư duy trước, tác động hành động, hành động ở thân, phát ra lời nói, gọi là tư dĩ nghiệp.

Hỏi: Trong đây là thâu nhiếp hết tất cả nghiệp, hay là thâu nhiếp phần ít nghiệp sai khác?

Đáp: Có thuyết nói: Trong đây thâu nhiếp hết tất cả nghiệp.

Có thuyết nói: Không thâu nhiếp vô lậu.

Cách giải thích này chẳng phải phù hợp với nghĩa kinh, vì trong đây, không nên thâu nhiếp ý nghiệp, nghĩa là vì phát động hai thứ thân, ngữ, khởi tư duy tư và chánh phát động hai thứ thân, ngữ, khởi tác động tư duy sự, cả hai thứ này đều căn cứ vào môn thân, ngữ chuyển, đều nên thâu nhiếp ở trong nghiệp thân, ngữ.

Hỏi: Đã thế, trong đây làm sao gọi là ý nghiệp?

Đáp: Nếu căn cứ ở hai môn thân, ngữ chuyển biến tư, lẽ tất nhiên cũng thừa nhận một phần gọi là ý nghiệp, đây là lập nghiệp có lỗi lẫn lộn. Cho dù thừa nhận vì muốn tác động thân, ngữ, khởi tư duy tư, là tánh của ý nghiệp, cũng không phải trong đây thâu nhiếp chung các nghiệp, do có ý nghiệp hữu lậu chuyển biến, không dựa vào hai môn thân, ngữ, lượng ấy vô biên, đều vì đã không thuộc về kinh này. Vả lại, tất nhiên không thâu nhiếp dựa vào nhãn xúc v.v... khởi các tư, vì các tư đó chẳng phải thuyết trước đã nói: Tác sự tư duy, vì thâu nhiếp hai tư.

Nếu cho rằng tư nghiệp mà kinh này đã nói, là thâu nhiếp chung

hết ý nghiệp, nói Tư dĩ nghiệp là thân nhiếp chung tất cả tư chuyển biến, dựa vào hai thân, ngữ. Và lại, chẳng phải nghĩa mà kinh này nên nói. Nếu thừa nhận đều là thuyết do kinh này nói, vì muốn phát động hai thứ thân, ngữ thì khởi tư duy tư, là thuộc về nghiệp nào? nếu thuộc về tư nghiệp thì về lý, tất nhiên không đúng, như tư duy tư, dựa vào thân ngữ chuyển biến, thừa nhận thuộc về tư nghiệp, pháp khác lẽ ra cũng như vậy, thì chỉ nói nói của một Tư nghiệp.

Như thế, cũng trở thành lỗi tạp loạn của nghiệp, ý nghiệp cũng dựa vào thân, ngữ mà chuyển.

Nếu cho rằng vì muốn phát động thân ngữ, khởi tư duy tư, tư này không dựa vào thân, ngữ chuyển, tức là vì cảnh khác, khởi tư duy tư, tư kia cũng không dựa vào cảnh khác, vì nhân không khác, cho nên ý nghiệp, không dựa vào cảnh. Tuy nhiên, vì chẳng phải điều đã được thừa nhận, nên về lý không đúng.

Nếu cho rằng tư này như dựa vào môn thân, ngữ chuyển, gọi dựa vào thân, ngữ, chẳng phải nghiệp thân, ngữ: Đây là ở ý nghiệp thì thành lỗi, vì ở trong đó cũng chấp nhận sự phân biệt này, nên thuộc về tư dĩ nghiệp cũng không đúng, vì về sau chỉ nói Tư dĩ, nên chẳng phải là sự đã tư duy, gọi tư duy, vì nghĩa và danh không tương ứng.

Lại, kinh bộ của ông nói: Ý các vị tiên phần nộ, sát sinh là thuộc về nghiệp nào? là thân nghiệp, hay ý nghiệp? Nhưng trong đây, không có đối tượng khởi trước, sau hai tư khác nhau: là Tư duy, tác sự, vì tư của tư duy tức sự tác động, nên không thể lìa lỗi tạp loạn của nghiệp. Lại Đức Thế Tôn nói: Người tu khổ hạnh, thân, ngữ, ý nghiệp đều có khác. Thế nên, nhất định phải thừa nhận có trong đây. Dựa vào môn thân chuyển tư nghiệp tác sự. Do đó, vì cùng lúc giết nhiều sự sinh, lại nghiệp sát sinh vì thuộc về thân nghiệp, tức là Đức Thế Tôn nên nói: Thân nghiệp là tội rất lớn ở trong các nghiệp. Thế nên Kinh bộ, Tư lập ra các nghiệp lại có lý chứng minh nghiệp không chỉ có tư nghĩa là tư vừa khởi vì muốn giết cha v.v... đã đắc tội Vô gián v.v...

Nếu cho rằng mắc tội, thì phải cử động thân. Ở đây vì thân chưa động, nên không có lỗi, tức là ngoài tư, có lý thân nghiệp được thành, nghĩa là thân có hành động, mới có thân nghiệp, thành tội sát v.v... Nếu thân không hành động, thì tư ác dù khởi, nhưng vì tội chưa thành.

Há không là như thấy chấp có thân, ngữ khác nhau, nếu lìa tư ác, thì sẽ không thành Vô gián v.v...?

Như thế, mặc dù thừa nhận chỉ Tư là nghiệp. Nếu lìa hành động thân, sẽ không thành tội này. Sự so sánh này không bình đẳng. Vì sao?

Vì hai nghiệp thân, ngũ của tông đối pháp trở thành Vô gián v.v... phải do tư ác. Nếu không có tư ác, thì nghiệp này không khởi, nên nghiệp tội của thân, đợi tư ác mới thành, chỉ tông của nghiệp tư nói nghiệp Tư khởi, không đợi thân, ngũ phần vị Tư sinh, đã trở thành thân nghiệp, sao lại mượn thân hành động?!

Lại tông Đối pháp do nhân cùng khởi, vì tư có tánh sai khác như thiện v.v... đã khởi tánh thiện v.v... của thân, ngũ thành, có thể nói, tất nhiên, vì đợi sự khác nhau của tư, nên thân nghiệp mới thành tội Vô gián v.v.... Chẳng phải kinh bộ thuyết nói khi Tư nghiệp khởi, phải đợi thân, ngũ mới thành thiện, ác.

Kinh bộ kia đã thừa nhận thân, ngũ, chỉ vì vô ký, nên làm sao có thể nói là phải đợi hành động của thân Tư nghiệp mới thành tội Vô gián v.v... nên dẫn sự so sánh này, không ngăn dứt lỗi của Tông kia.

Nếu cho rằng Tông như chấp nhãn căn thấy, dù nhãn căn sinh, không phải đợi nhãn thức mà công dụng thấy sắc, đợi thức mới thành.

Như thế, chỉ nói Tư là nghiệp, nghĩa là tư bất thiện khởi, dù không chờ đợi thân, nhưng phải đợi thân hành động mới thành Vô gián v.v... việc này cũng không phải so sánh. Vì sao? Vì thức và căn có cùng lúc khởi, thừa nhận căn do thức có tác dụng trội hơn sinh, nên nhãn căn sinh, dù không đợi thức, nhưng tác dụng thấy sắc, đợi thức mới thành. Tuy nhiên tư ác kia, phải là trước sinh rồi, sau đó mới có nghĩa vận động thân, không phải vị sinh của tư, do thân vận động sau, một ít khiến cho tư ở duy trước khởi dụng sai khác.

Lại, về sự bào chữa này, về lý, tất nhiên không thành, chẳng có pháp nào không có công năng khiến cho pháp các hữu khởi dụng trội hơn.

Lại có Chí giáo ngăn dứt tông của Kinh bộ, an lập lý nghiệp, như Khế kinh nói: Đêm, đã tầm, tư đến lúc ban ngày, do thân, ngũ biểu, chẳng phải chủ thể biểu đã nói trong đây, nghĩa là tư. Trong Khế kinh khác nói biểu tức nghiệp, nên kinh khác nói: Ái, là thể của biểu tức là nghiệp.

Lại, Phật răn La-hỗ-la: Nếu ông do thân, do ngũ tạo nghiệp, thì ở trong nghiệp thân, ngũ đã tạo này thì phải siêng năng cho đúng, thường xuyên xem xét quán sát. Chẳng phải tư, tức dùng thân ngũ làm thể. Sao có thể nói tư đã tạo ra nghiệp, gọi là do thân, ngũ đã tạo nghiệp?

Thế nên, phải biết Khế kinh nói hai biểu thân, ngũ, làm nghiệp của thân, ngũ không nên như thế mà nhận lấy nghĩa kinh như, kinh này nói: Do thân, do ngũ, tạo nghiệp này là do dựa vào thân, và dựa vào ngũ

là nghĩa do tư tạo nghiệp. Không có nghĩa như thế. Vì sao? Vì không hề nói.

Lại, vì không ngăn dứt, nghĩa là nếu có kinh từng nói thế này: Dựa vào thân, ngữ, tư đã tạo ra các nghiệp, gọi nghiệp thân, ngữ chẳng phải tức thân, ngữ.

Lại, nếu có kinh ngăn dứt thân, ngữ biểu, tức là tự tánh của hai nghiệp thân, ngữ, chấp nhận có thể ở lời nói không khác nhau này. Căn cứ Khế kinh kia, mà giải thích khác, nhưng không hề có chỗ nào có lời nói như thế. Lại, ta dẫn kinh vì không trái với chánh lý, nên sự phi lý, thường theo ý mình, nhằm giải thích phá các kinh, khiến trái với nghĩa thật. Về lý, gọi là phá hoại Kinh bộ sự, vì chẳng phải kinh liễu nghĩa làm định lượng. Lại, Già-tha nói:

*Do trong tâm thô, ác  
Ngoài động thân phát ngữ  
Do đó chiêu cảm khổ  
Ngược lại, chiêu cảm vui.*

Trong đây nói Tư và thân, ngữ biểu, nghĩa năng chiêu cảm quả ái, quả phi ái. Kinh khác lại nói: Các người tà kiến đã có thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, tất cả đều có thể cảm quả phi ái, chiêu cảm quả ái trái với đây. Do đó, chứng biết thuyết trong Già-tha nói: Nhân hai biểu thân, ngữ, chiêu cảm quả ái, phi ái, tức là trong kinh nói nghiệp thân, ngữ hay chiêu cảm quả ái, phi ái, về nghĩa cũng không thích ứng, nghĩa là dựa vào thân, ngữ, tư, gọi thân, ngữ biểu. Do Kinh bộ kia tự nói hình là thân biểu, vì giả chẳng phải thật, nhưng tư không nên là hình chẳng phải thật.

Lại, Khế kinh nói: đứng dậy, đón rước, chấp tay, cung kính, lễ bái là nghiệp thân biểu. Kinh khác lại nói: Biểu tức là nghiệp. Do đó chứng biết dục, tác ý v.v... lần lượt được khởi, hình khác như tay v.v..., gọi là thân biểu, tức là thân nghiệp, nên tông Đối pháp lập nghiệp thân, ngữ, phù hợp giáo, thuận với lý, không có lỗi lẫn lộn. Do đó, đã nói lý bốn câu (bốn luận chứng) thành. Nhưng trong đây, người tụng khác nhau, nghĩa là có người tụng nói tụng: Hoặc có nhóm sắc, chỉ sắc hiển có thể biết rõ, nghĩa là ảnh v.v... xanh v.v... nhóm sắc tạo đại chủng, vì hiển sắc nhiều ở trong đó, sắc khác vì không phải nhất định nhận lấy, nên chỉ hiển sắc có thể biết rõ. Trống rỗng một hiển, nghĩa là trong thấy trống rỗng, núi Tô-mê-lô đã hiện ra sắc thuần túy.

Há sắc hiển v.v... có đủ loại hiển sắc mà chỉ nói đây là một hiển ư? Không đúng thì sao? Do sắc ảnh v.v... và hiển đất v.v... hòa lẫn khó nói,

không thể thấy riêng, căn cứ ở nghĩa không thuần túy, nói không phải một hiển. Sắc của cõi chẳng này không có đối tượng nương tựa riêng, vì thuần túy có thể thấy, nên gọi là một hiển. Hoặc có nhóm sắc, chỉ hình có thể rõ, nghĩa là thân biểu đều có nhóm động đại tạo, do động, thân nhận tánh pháp nối tiếp nhau, vì giả lập bày, nên thể không phải chân thật, chỉ tâm sở v.v... trong nhóm thân khởi đại tạo đẳng lưu, các hình khác nhau trong nhóm vật thật, đây là thân biểu. Hoặc có nhóm sắc, cả hai cùng có thể biết rõ, nghĩa là đã nói các nhóm hình, hiển khác, do không phải nhóm ở đây là một, có thể nhận lấy nhóm khác.

Trong nghĩa này, Kinh chủ đã vấn nạn ở trước ra sao?

Một sự có hai thể: Vấn nạn này không thành, vì không phải điều được thừa nhận.

Là có hình, hiển nương tựa lẫn nhau, lệ thuộc nhau như nói: Con cò chẳng phải cờ nêu và cờ hiệu chẳng phải quạ v.v... Trong đây, hiển hình đều có thể biết rõ. Hoặc có nhóm sắc cùng không thể biết rõ như hương, vị v.v... và nhóm vô biểu.

Có tụng giả khác tạo ra tụng này: Hoặc có nhóm sắc, chỉ có hiển sắc. Câu thứ nhất nghĩa là nhóm sáng, tối, tức sự khác nhau này, gọi là ánh sáng ảnh.

Câu thứ hai, là như trước nói.

Câu thứ ba, là hai câu trước đã nói không thân nhiếp đều có nhóm sắc, nhóm sắc xanh v.v... cũng có dài v.v... hình lượng khác nhau, vì hiện có thể thấy.

Câu thứ tư, cũng như trước nói.

Há không là ảnh v.v... cũng có hình lượng rõ ràng có thể thấy, lẽ ra gọi là cùng có?

Thuyết kia nói trong nhóm ảnh v.v... không có hình, vì giả đối, phân tán, nên vật rất ngăn ngại khác, đến vào trong đó, vì vật kia không hủy hoại. Hiện thấy thế gian hòa tập rất ngăn ngại, có tụ hình, sắc, vật rất ngăn ngại khác, đến vào trong đó, vật kia là tổn hoại, nhóm ảnh v.v... thì không đúng, nên trong đó không có hình.

Lại, các nhóm sắc rất ngăn ngại, hòa tập có cực vi hình được xếp đặt vây quanh.

Do sự gìn giữ thuộc về nhóm hình như thế, nên có phân chia giới hạn, lỗ hổng có thể được, chẳng phải ở biên nhóm các sắc ảnh v.v... có hình thân nhiếp, gìn giữ, như hòa tập v.v... vì không thấy có tự dao động. Nhưng có hình lượng dài v.v... rõ ràng, hiện có thể được, nghĩa là tùy theo bản chất.



Nếu vậy, thì lẽ ra không có hình tượng trong gương. Vì sao? Vì như ảnh không có hình, vì tùy theo bản chất mà hình có thể được.

Các hình tượng như thế, lẽ ra không có hiển sắc, vì tùy theo bản chất, nên hiển sắc có thể biết.

Lại, hình tượng lẽ ra không lấy hình sắc làm thể. Mặc dù thấy có cao, thấp, nhưng vì như bức họa là không, nên như tùy theo bản chất và tùy theo đối tượng nương tựa. Hình sắc dù không có, nhưng hiện giống như có. Hiển lẽ ra cũng như thế, dường như có thật không, tức là hình tượng không phải hình, cũng không phải hiển làm thể, không phải hiển sắc, của hình tượng như hình ảnh không có bị tùy theo do các hình tượng, vì không quyết định, do hình tượng tùy theo chất và vì đối tượng nương tựa, nghĩa là hình tượng, hình, hiển, đôi khi tùy theo đối tượng nương tựa, đôi khi tùy theo bản chất mà vì hiển hiện, nên ảnh hiển không hề có lý tùy theo bản chất, hình cũng không có nghĩa tùy theo đối tượng nương tựa. Vì chỗ cư trú này, gọi là đối tượng nương tựa, nên hình tượng và ảnh không có nghĩa đồng.

Nếu cho rằng hình tượng và ảnh vì đồng nghĩa tùy theo, nên hình tượng lẽ ra không có thể ấy, về lý cũng không đúng. Nghĩa tùy theo nghĩa dù đồng, nhưng vì trông thấy riêng khác, nghĩa là hình tượng, ảnh, hình, dù đồng tùy theo chất, nhưng tượng tùy theo chất, cũng có cao thấp, ảnh chỉ tùy theo chất có phần lượng thô. Đối với phần lượng thô, nghĩa tùy theo dù đồng, nhưng hình tượng thì tùy theo phần lượng chất quyết định, ảnh chẳng phải quyết định đồng với chất lượng. Hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc có lúc vì bằng nhau. Do đó, hình tượng với ảnh nghĩa tùy theo dù đồng, nhưng chỉ ảnh, không có hình, không phải hình tượng không có hiển. Nếu hiển cũng không có, vì không có tùy theo, nghĩa là đối với ảnh, sắc có hiển tự thành. Ảnh này đã dùng hiển sắc làm thể, nói hình tùy theo chất, có thể không có lỗi. Thể của hình tượng đã không phải hình, nếu cũng không phải hiển thì sẽ không có thể của hình tượng. Sao có thể nói hình tượng tùy theo bản chất?

Hoặc vì tùy theo đối tượng nương tựa. Hình tượng nhất định chỉ hiển làm thể, phân chia giới hạn hình sắc, tất nhiên, dựa vào giới hạn phần hiển sắc rất ngăn ngại, chỉ dựa vào tướng hiển. Thế nên, các ảnh hình như tượng, họa v.v... không có hình. Do đó, đã ngăn dứt vấn nạn hình tượng và hình sắc đồng, do hình tượng kia tùy theo nghĩa dù đồng, nhưng như hình cao, thấp có thể nhận lấy mà chẳng phải có. Trước đã nói hình sắc cũng vì so sánh lượng nhận lấy, nên hình sắc ở trong chẳng phải như đối tượng nhận lấy, vì nhận lấy không nhất định, nên có thể

cho là không có hiển sắc ở trong đó, nhận lấy đều nhất định, vì đồng với nhận lấy hiển khác, nên hình tượng chỉ hiển làm thể.

Nếu vậy, thì như ảnh, tượng, hình sắc nghĩa tùy theo dù khác nhau, nhưng không có nghĩa bằng nhau.

Như thế, sắc hiển của hình tượng và hình của ảnh, nghĩa tùy theo dù khác, nhưng không có nghĩa bằng nhau.

Sự so sánh này không đúng, vì trước kia đã nói: Nghĩa là nếu hình tượng không có hiển, nghĩa tùy theo lẽ ra cũng không có.

Lại, vì sao ông không tạo ra sự nhận lấy này? Như ảnh và hình tượng, hình tùy theo dù đồng, nhưng đối với trong sự tùy theo đó, chẳng phải không có khác nhau.

Như thế, hình tượng, hiển và ảnh, hình, nghĩa tùy theo dù đồng, nhưng có, và không khác nhau.

Há không là ở đây, lẽ ra phải lập vấn nạn: Như trong ảnh v.v... mặc dù không có hình sắc, nhưng đối với hiển sắc, hiện có phần lượng. Như thế, lẽ ra cũng đối với các nhóm sắc cực ngại, hòa tập, chỉ hiển không có hình, vấn nạn này không đúng, nếu các nhóm sắc cực ngại, hòa tập, thì cũng sẽ không có hình, ảnh tượng, nên không có phần lượng để nhận lấy, đối với bức họa tô màu v.v... các người thợ khéo, dùng hiển sắc khác, xen lẫn hiển khác, mô phỏng bản chất, hình cao, thấp v.v... thật ra ở trong đó, không có cao, thấp v.v...

Nếu các hòa tập, nhóm sắc cực ngại, cũng không có hình thật, chỉ có hiển, nghĩa là như nhờ bức họa v.v... hiển sắc khác xen lẫn hiển sắc khác, trạng thái giống như có hình, mà thật ra ở giữa không có cao, thấp v.v... nhưng các nhóm sắc cực ngại hòa tập, không chờ đợi hiển khác xen lẫn sắc hiển khác, tự có cao, thấp, bằng nhau, hình lượng thật có thể nhận lấy. Do đó chứng biết các nhóm cực ngại, khác và các hiển sắc, có riêng hình thật. do đó, có thể khiến cho ảnh tượng, bức họa v.v. dù không có hình sắc, mà giống như có hình. Thế nên, lời nói của người kia chẳng phải là vấn nạn đúng.

Há không như từ chẳng phải hình làm thể, hình tượng được bản chất của nó sinh ra hình tượng riêng, dù hiện có thể nhận lấy mà không có hình thật.

Như thế, từ chẳng phải hình làm thể, các nhóm cực ngại có ảnh hình tượng sinh, có hiển không có hình, nhưng hình có thể nhận lấy. Điều này cũng phi lý, tùy theo hình của bản chất, đã khởi hiển của hình tượng, vì giống như có hình, nên từ hình này sinh ra tượng, cũng giống với có hình lượng có thể được, về lý tất nhiên có thể như thế. Từ không

có hình chất, đã khởi hiển của hình tượng, sinh ra hình tượng riêng, chỉ vì hiển không có hình, nên hình tượng không có hình cũng chỉ hiển bày làm thể, tức do phân biệt hỏi đáp như thế.

Đã ngăn dứt, chấp hình tượng, ảnh, làm thể để biện luận. Vì hình tượng và ảnh không phải pháp đồng. Hình tượng như bản chất có các thứ tướng, còn ảnh thì không đúng, nên chẳng phải pháp đồng.

Lại, các ảnh khởi, do ngăn che ánh sáng, ánh sáng đã có xứ, tất nhiên không có ảnh, còn hình tượng thì không đúng, nên chẳng phải pháp đồng.

Lại, thấy các hình tượng vào trong nước, gương, thấy ảnh thì không đúng, nên chẳng phải pháp đồng.

Lại, chẳng phải nhân ảnh, có riêng ảnh sinh, hình tượng có thể làm sinh nhân ở hình tượng riêng, nên hình tượng và ảnh nhất định không phải pháp đồng. Lại, ảnh không tùy theo chất có cao, thấp, hình tượng thì không đúng, nên chẳng phải pháp đồng, vì thế không nên chấp hình tượng tức ảnh. Nhưng người tụng ban đầu đã nói thế này: Trong nhóm ảnh v.v... Chẳng phải không có hình, sắc, vì hiển tăng, chỉ hiển có thể rõ ràng.

Các hình sắc lược có hai thứ:

1. Nghĩa là ở bên nhóm cực ngại của hiển sắc hòa tập, sắp xếp khắp vòng.
2. Ở bên nhóm không ngại của hiển sắc hòa tập, sắp đặt quanh

khắp.

Chỉ ở biên tụ cực ngại hòa tập. Sự khác nhau của hình, được gọi là thân biểu, nên ở đây không có lỗi như đã nói.

Đã nói về nghiệp thân biểu, nghiệp ngữ biểu.

Thế nào là tức “nói tiếng”, gọi là nghiệp ngữ biểu? Vì sao thể của ngữ biểu tức ngôn ngữ. thân biểu, ý nghiệp chẳng phải tức thân, ý, vì là ngôn ngữ, không có công năng riêng của tiếng, biểu là ngoài thân và ý, có sắc biểu vì tư nghiệp nên đặt tên thân nghiệp từ đối tượng nương tựa, ngữ nghiệp căn cứ ở tự tánh, ý nghiệp tùy theo cùng khởi. Do đó ở trong đó không có lỗi trái nhau.

